

Bản án số : 1008/2017/HNGĐ-ST
Ngày : 14/9/2017
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Đức

Các Hội Thẩm Nhân Dân:

- 1/ Ông Đỗ Quang Lý
2. Bà Bùi Thị Ánh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa : Ông Hoàng Chí Thành, Thư ký Tòa án nhận dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Xuân Cường – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 tháng 8 năm 2017 và ngày 14 tháng 9 năm 2017 Tòa án nhân dân quận Tân Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 36/2014/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2014 về “Ly hôn có tranh chấp về quyền nuôi con chung và tài sản chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Tuyết S, sinh năm 1969.
Hộ khẩu thường trú: Đường L, Phường M, quận T, TP. Hồ Chí Minh.
Địa chỉ tạm trú: Đường Đ, Phường B, quận T, TP. Hồ Chí Minh.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Tạ Chiêu Trung – Công ty luật TNHH M - Đoàn Luật sư TP. Hồ Chí Minh
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1968.
Địa chỉ: Đường L, Phường M, quận T, TP. HCM.
3. *Người làm chứng:*
 - a. Bà Trương Thị N, sinh năm 1966.
Địa chỉ: Đường Đ, Phường T, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.
 - b. Bà Phạm Thị Hồng P, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Đường Đ, phường S, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh
 - c. Bà Trương Thị Bích N, sinh năm 1965.
Địa chỉ: Đường H, phường T, quận T, Tp. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Phạm Thị Tuyết S đối với ông Nguyễn Mạnh H được Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý và bà S bổ sung tại các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà S trình bày:

Bà với ông H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 115 quyển số 01/2000 đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận T, TP. Hồ Chí Minh ngày 16/8/2000.

Ông bà sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn có nhiều bất đồng quan điểm sống, ông bà có sống ly thân.

Bà S đã nhiều lần ngồi lại với ông H để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành; nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng hàn gắn đoàn tụ không có nên bà xin ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống.

Về con chung:

Bà với ông H có một con chung tên Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 16/11/2000. Sau ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

Bà S khai có căn nhà Đường D, số mới Đường B, phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/7/2001, nhà có bản vẽ sơ đồ nhà đất do Công ty ADEC lập được phòng quản lý đô thị quận T kiểm tra nội nghiệp ngày 25/2/2015. Bà có đơn yêu cầu định giá nhà và tự nguyện chịu chi phí định giá, bà thống nhất với biên bản định giá ngày 14/4/2015, nhà có giá trị nhà - đất là 2.888.622.750 đồng và không yêu cầu định giá lại, bà yêu cầu nhận nhà và trả một nửa tiền giá trị căn nhà cho ông H do bà không có chỗ ở ổn định.

Đối với sạp chợ Khu 2B chợ Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh không phải là tài sản riêng của bà, không phải tài sản chung của vợ chồng. Do em của bà là Phạm Thị Hồng P mua lại của bà Trương Thị N nhờ bà đứng tên giùm, năm 2013 bà P bán lại cho bà Trương Thị Bích N.

Về nợ chung: Bà S khai không có

Ông Nguyễn Mạnh H trình bày:

Ông bà sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu. Sau đó ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng nhiều quan điểm sống, tính cách không hợp với nhau. Bà S tự ý ly thân với ông H từ lúc sang sạp. Nay bà S yêu cầu ly hôn, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đồng ý ly hôn với bà S để ổn định cuộc sống

Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 16/11/2000. Sau ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Mạnh H khai có căn nhà Đường L số mới Đường B, phường M, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Ông không có yêu cầu tranh chấp nhà nhưng bà S yêu cầu chia đôi giá trị nhà, ông đồng ý, ông đồng ý với giá trị nhà – đất định giá theo biên bản ngày 14/4/2015, ông không yêu cầu định giá lại; ông đồng ý nhận lại phần chia nhà; ông yêu cầu được nhận nhà để ông và con trai ở.

Đối với sạp chợ số 185B Khu 2B (185B Khu B) chợ Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh: Ông H có đơn phản tố yêu cầu chia đôi tài sản là sạp chợ này. Tại biên bản hòa giải ngày 26/9/2014 Tòa án có ghi nhận “đối với sạp chợ số khu 2B chợ Tân Bình, phường T, quận T hai bên thống nhất giá trị 1.000.000.000 đồng để Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án”, ông không yêu cầu định giá sạp chợ ghi trên, ông đồng ý giao sạp chợ ghi trên cho bà S, yêu cầu bà S giao lại cho ông 500 triệu đồng và yêu cầu tính lãi suất là 0.7%/tháng cho số tiền 500 triệu đồng trong thời gian từ tháng 11 năm 2013 tới nay là 132.300.000 đồng là thời gian bà S chiếm dụng tiền bán sạp, sạp này do vợ chồng mua lại của bà N, ông không yêu cầu đưa bà N vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Mạnh H khai không có.

Người làm chứng:

Theo đơn yêu cầu của bà S, Tòa án triệu tập 03 người làm chứng, Ba (03) người làm chứng trình bày về sạp chợ số khu B chợ Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh như sau:

Bà Trương Thị N khai bà bán sạp này cho bà Phạm Thị Hồng P năm 2000, bà Phạm Thị Hồng P khai bà mua sạp này của bà N nhờ bà Phạm Thị Tuyết S đứng tên giùm trên giấy phép kinh doanh sạp và đến cuối năm 2013 bà bán sạp này cho bà Trương Thị Bích N và nhờ bà S ký tên sang sạp cho bà N; bà Trương Thị Bích N khai nhận bà mua sạp này của bà Phạm Thị Hồng P với giá 800.000.000 đồng, bà giao tiền đặt cọc và giao đủ tiền mua sạp cho chị P.

Tại biên bản hòa giải ngày 31/7/2017 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình có mặt ba (03) người làm chứng và họ có trình bày về sạp chợ, ông H trình bày là không quan tâm tới ý kiến của 3 người làm chứng.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay:

Hai bên đương sự thỏa thuận được với nhau về thuận tình ly hôn và không có thiếu nợ chung.

Nguyên đơn:

Theo trình bày của luật sư Tạ Chiêu T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và ý kiến yêu cầu của nguyên đơn thì bà S:

- Giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

- Giữ nguyên yêu cầu chia đôi giá trị nhà – đất và yêu cầu được nhận nhà, hoàn lại 1/2 giá trị nhà - đất cho bị đơn sau hai tháng kể từ ngày Tòa án xét xử là vào ngày 14/11/2017, cho ông H ở lại căn nhà trong vòng 2 tháng để ông H kiếm chỗ ở mới.

- Khẳng định sạp chợ số Khu 2B (Khu B) chợ Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh không phải là tài sản riêng của bà, không phải tài sản chung của vợ chồng nên không đồng ý chia theo ý kiến, yêu cầu của bị đơn.

Bị đơn:

- Giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con.

- Đồng ý yêu cầu chia đôi giá trị nhà – đất theo yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu được nhận nhà, hoàn lại 1/2 giá trị nhà - đất cho nguyên đơn vào ngày

16/11/2018 là ngày sinh nhật của con chung và cũng là thời điểm sau khi con chung thi xong đại học.

- Giữ nguyên yêu cầu chia đôi giá trị sạp chợ số 185B Khu 2B (185B Khu B) chợ Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh là 500.000.000 đồng và yêu cầu nguyên đơn phải trả tiền lãi là 132.300.000 đồng của 500.000.000 đồng kể từ tháng 11/2013 là ngày nguyên đơn bán sạp và chiếm giữ số tiền bán sạp chợ này.

Người làm chứng: Bà Trương Thị N, bà Phạm Thị Hồng P, bà Trương Thị Bích N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố đơn xin vắng mặt và các nội dung ý kiến của bà N, bà P, bà N có trong hồ sơ vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu ý kiến về vụ án:

Các yêu cầu của nguyên đơn trong vụ án là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Tòa án nhân dân quận Tân Bình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Tuy nhiên Tòa án có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án:

- Chấp thuận cho bà Phạm Thị Tuyết S và ông Nguyễn Mạnh H ly hôn.

- Về con chung: Nguyễn Hoàng M– sinh ngày 16/11/2000, giao cho bà Phạm Thị Tuyết S được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ, ông H không phải trợ cấp.

- Về tài sản chung: là căn nhà Đường L, phường M, quận T, ông H và bà S không thỏa thuận được. Đề nghị phát mãi chia đôi giá trị nhà.

Đối với sạp chợ số khu 2B chợ Tân Bình, bà S khai không phải tài sản riêng của vợ chồng mà là tài sản của em gái bà là Phạm Thị Hồng P, nhờ bà đứng tên nên bà không đồng ý chia đôi như ông H yêu cầu. Tuy nhiên hồ sơ pháp lý thể hiện sạp này bà S đứng tên kinh doanh và tài sản có trong thời kỳ hôn nhân, cũng như không có tài liệu hợp pháp nào xác định đây là tài sản do bà S đứng tên giúp bà Phạm Thị Hồng P nên chấp nhận phản tố của ông H về việc chia đôi tài sản này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa;

Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 115, quyển số 01/2000 đăng ký kết hôn tại UBND Phường M, quận T, thành phố Hồ Chí Minh ngày 16 tháng 8 năm 2000 thì quan hệ giữa bà S với ông H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay bà S xin ly hôn, xét

đơn xin ly hôn của bà S là phù hợp với khoản 1 Điều 51 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo điểm a, điểm c khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Tuyết S nộp đơn khởi kiện tại Tòa án xin ly hôn và có tranh chấp về con chung, tài sản chung với ông H, nên bà S tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn là hợp lệ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H là người bà S xin ly hôn, nên ông H tham gia tố tụng với tư cách bị đơn là hợp lệ.

- Người làm chứng:

Theo đơn của bà S yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng; căn cứ tài liệu hồ sơ có trong vụ án là ông H khai mua lại sạp số 185B Khu 2B (185B Khu B) chợ Tân Bình của bà N và tại công văn số 49/BQL ngày 05/7/2016 của Ban quản lý chợ Tân Bình thì sạp này do bà S nhận chuyển nhượng từ bà Trương Thị N nên Tòa án triệu tập bà Trương Thị N, bà Trương Thị Bích N, bà Phạm Thị Hồng P là có cơ sở,

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Theo lời khai của bà S, Tòa án đã triệu tập những người có tên: Phạm Ngọc T, Phạm Quang Th, Phạm Văn B, Phạm Thị Th, Phạm Thị Như N, Phạm Thị Hồng P đến Tòa án để trình bày ý kiến về nguồn gốc của sạp 98B, sạp 185B chợ Tân Bình, những người có tên trên đều khai là nguồn gốc của sạp 98B được chuyển đổi thành sạp 185B khu B; nhưng tại công văn số 49/BQL ngày 05/7/2016 của Ban quản lý chợ Tân Bình thì giữa sạp 98B và sạp 185B khu B không liên quan gì với nhau vì sạp 98B không có nguồn gốc, không phải là sạp 98B chuyển sang nên lời khai của những người này không sát thực, không liên quan gì đến vụ án. Do vậy Tòa án nhân dân quận Tân Bình không đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoặc là người làm chứng và không triệu tập họ tham gia phiên tòa hôm nay là hợp lẽ.

[3]. Nội dung tranh chấp:

Bà S xin ly hôn, ông H đồng ý, tuy nhiên hai bên có tranh chấp quyền trực tiếp nuôi con và tài sản chung. Đây là nội dung cần xem xét giải quyết.

[4]. Về sự tham gia phiên tòa của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:

Trong vụ án này Tòa án nhân dân quận Tân Bình tiến hành thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Viện kiểm sát quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án là phù hợp với Điều 21, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa hôm nay bà S và ông H đều thống nhất thỏa thuận tình ly hôn là không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến và yêu cầu này của hai bên đương sự.

Tuy nhiên bà S, ông H có tranh chấp về quyền trực tiếp nuôi con và tranh chấp về tài sản chung nên Hội đồng xét xử cần xem xét giải quyết:

1. Về con chung:

Bà S với ông H có một con chung tên Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 16/11/2000. Sau ly hôn, ông bà đều có yêu cầu trực tiếp nuôi con, cả hai người không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ yêu cầu của ông H bà S, Tòa án đã tiến hành cho cháu M lập bản tự khai do cháu Nguyễn Hoàng M tự ghi ngày 17/02/2014, nhưng bản tự khai này cháu M không ghi rõ năm sinh và không ghi con của ai nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, mặt khác ông H và bà S không tiếp tục đưa cháu M đến Tòa án để trình bày nguyện vọng xin ở với ai sau khi ông bà ly hôn. Ngày 21/8/2017 Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã gửi công văn số 677/TAQTB ngày 18/8/2017 đến trường Phổ thông trung học Nguyễn Thái Bình quận T và đến tiếp xúc với cháu để cháu tự khai nguyện vọng của mình, tại bản tự khai ngày 21/8/2017 cháu khai nguyện vọng là xin ở với mẹ là bà Phạm Thị Tuyết S sau khi bố H và mẹ S ly hôn có sự chứng kiến của Giáo viên chủ nhiệm lớp 12A12 là cô giáo Nguyễn Thị Hoa M và cô đã xác nhận lời khai của cháu M là hoàn toàn tự nguyện, đồng thời có sự xác nhận của Phó hiệu trưởng nhà trường.

Ngày 12/9/2017 cháu M đến Tòa án nhân dân quận Tân Bình nộp bản ghi bằng giấy học trò có nội dung: “con xin ở với ba là Nguyễn Mạnh H và đây là quyết định cuối cùng của con”. Bản ghi này không ghi gửi đến đâu và trong trường hợp nào cháu xin được ở với bố; do vậy Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét thấy chưa đầy đủ nên có yêu cầu ông H đưa cháu M trở lại Tòa án để trình bày rõ ý kiến của mình.

Ngày 13/9/2017 lúc 14 giờ 15 phút tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình cháu M tự ghi bản tự khai nguyện vọng của mình là giữ nguyên ý kiến đã khai ngày 21/8/2017 và cháu xác định bản ghi ngày 12/9/2017 cháu ghi là xin ở với bố nhưng thật sự cháu vẫn muốn ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Như vậy, theo yêu cầu của bà S và theo nguyện vọng của cháu M ghi đầy đủ tại bản tự khai ngày 21/8/2017 và bản tự khai ngày 13/9/2017, đồng theo ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham phiên tòa ngày hôm nay, có cơ sở để Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Hoàng M sinh ngày 16/11/2000 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ. Ông Nguyễn Mạnh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo qui định pháp luật là hoàn toàn hợp lẽ.

2. Về tài sản chung:

a. Về căn nhà:

Căn cứ thừa nhận giữa ông H và bà S thì ông bà có tài sản chung là căn nhà Đường B, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ yêu cầu định giá nhà – đất của bà S, Hội đồng định giá quận Tân Bình căn cứ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có hồ sơ gốc số 12327/2001 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/7/2001, nhà có bản vẽ sơ đồ nhà đất do Công ty ADEC lập được phòng quản lý đô thị quận T kiểm tra nội nghiệp ngày 25/2/2015, Giấy chứng nhận nhà đất và bản vẽ sơ đồ nhà đất do bà S xuất trình. Theo biên bản định giá của Hội đồng định giá quận Tân Bình ngày 14/4/2015 là nhà – đất có giá trị 2.888.622.750 đồng, hai bên đồng ý, không bên nào yêu cầu định giá lại; cả hai đều có yêu cầu được nhận nhà và hoàn lại phần giá trị nhà cho bên kia.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà S giữ nguyên yêu cầu nhận nhà chia đôi giá trị nhà – đất, hoàn lại 1/2 giá trị nhà - đất cho bị đơn sau hai tháng kể từ ngày Tòa án xét xử là vào ngày 14/11/2017 để được nhận nhà, cho ông H ở lại căn nhà trong vòng 2 tháng để ông H kiếm chỗ ở mới, bà tự nguyện chịu các khoản thuế, lệ phí theo quy định của nhà nước và chấp hành việc xử lý của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc cải tạo, nới rộng diện tích nhà.

Phía ông H: Ban đầu ông yêu cầu ngăn đôi nhà mỗi người sử dụng một bên hoặc người ở dưới trệt, người ở trên lầu. Sau cùng ông đồng ý chia đôi giá trị nhà – đất theo yêu cầu của nguyên đơn và yêu cầu được nhận nhà, hoàn lại 1/2 giá trị nhà - đất cho nguyên đơn vào ngày 16/11/2018 là ngày sinh nhật của con chung và cũng là thời điểm sau khi con chung thi xong đại học.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đề nghị phát mãi chia đôi giá trị nhà.

Xét thấy:

Bà S thuê căn phòng của nhà Đường Đ, phường B, quận T từ tháng 3/2014 có sự xác nhận của chủ nhà và của Công an phường B, quận T ngày 19/7/2017, theo bà S là kể từ lúc hai bên xảy ra mâu thuẫn vào năm 2014, do mâu thuẫn vợ chồng cực kỳ gay gắt không thể sống chung nhà, bà phải tìm nơi ở khác để ổn định tinh thần và cuộc sống nên phải thuê căn phòng nhỏ để ở và sinh sống, bà không có nơi ở nào khác ngoài căn Đường B, phường M, nên bà yêu cầu được nhận nhà và hoàn trả lại 1/2 trị giá nhà cho ông H vào ngày 14/11/2017 tính từ hôm nay là 02 tháng, đồng thời căn cứ nguyện vọng của con chung là được sống chung với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 59 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là sau ly hôn, giao căn nhà này cho bà S sử dụng toàn bộ và trọn quyền sở hữu là phù hợp, bà S tự nguyện chịu các khoản thuế, lệ phí theo quy định của nhà nước là thỏa đáng và đồng ý nghiêm chỉnh chấp hành việc xử lý của các cơ quan có thẩm quyền về việc cải tạo, nới rộng diện tích sử dụng nhà. Tuy nhiên cần buộc bà S hoàn trả lại 1/2 trị giá nhà cho ông H trong thời gian ngắn nhất để ông H có điều kiện mua nhà khác để sử dụng là hợp lẽ.

Đối với ông H, khi bà S ly thân với ông từ tháng 3/2014 đến nay ông vẫn sử dụng nhà Đường B, phường M, quận T không cho ai thuê mượn, trong khi đó bà S phải thuê phòng để ở là ông đã vô tình gây nên sự thiệt hại cho bà S; nay ông yêu cầu được nhận nhà và hoàn trả lại 1/2 trị giá nhà cho bà S vào ngày 16/11/2018 tính ra thời gian này, kể từ hôm nay là khoản 14 tháng, khoản thời gian này là quá lâu làm cho bà S không có cơ hội để mua nhà khác, gây nên cho bà S không ổn định tinh thần và cuộc sống. Mặt khác ông sẽ hoàn trả lại 1/2 trị giá nhà cho bà S vào ngày 16/11/2018, theo ông là ngày sinh nhật của con chung duy nhất của ông bà, việc này nếu để xảy ra thì vô ý tiếp sức cho ông cố tình tạo ra cú xóc cho bà S và con chung, gây nên sự bất ổn về tinh thần, tâm lý hoặc làm tăng thêm sự hiềm khích, chia rẽ giữa bố mẹ và con cái. Vì vậy Hội đồng xét xử nghĩ nên không chấp nhận ý kiến này của ông H và bác yêu cầu được nhận 1/2 nhà của ông H là hợp lẽ.

Mặt khác, việc phát mãi chia đôi giá trị nhà; Hội đồng xét xử xét thấy đây là giải pháp trung dung, ôn hòa. Tuy nhiên việc này không phù hợp với ý kiến, yêu cầu và nguyện vọng của bà S kể cả đối với ông H nên Hội đồng xét xử không đưa ra giải pháp này.

b. Đối với sạp chợ số 185B Khu 2B (185B Khu B) chợ Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh:

- Ông H khai rằng sạp này do ông và bà S mua lại của bà N (Trương Thị N) vào năm 2001, ông không yêu cầu đưa bà N vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng và bà S là người đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể. Ông cho rằng đây là chứng cứ về tài sản chung của vợ chồng và hai bên thống nhất giá trị 1.000.000.000 đồng để Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án, ông đồng ý giao sạp chợ này cho bà S, bà S giao lại cho ông H 500 triệu đồng. Ông yêu cầu tính lãi suất là 0.7%/tháng cho số tiền 500 triệu đồng trong thời gian từ tháng 11 năm 2013 tới nay là 132.300.000 đồng là ngày nguyên đơn bán sạp và chiếm giữ số tiền bán sạp chợ này.

- Bà S thừa nhận giá trị sạp chợ là 1.000.000.000 đồng, nhưng không thừa nhận sạp này là tài sản riêng của bà, không phải tài sản chung của vợ chồng nên không đồng ý chia theo ý kiến của bị đơn. Bà trình bày do bà Hồng P sang (mua) sạp này của bà Trương Thị N nhờ bà đứng tên giùm, việc bà đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể giùm cho bà Hồng P mà không lập giấy tờ là do giữa bà với bà Hồng P là chị em ruột nên tin tưởng nhau, việc đứng tên giùm là do yêu cầu của bà Hồng P bà N có biết và bà có ghi tại bản tự khai ngày 10/7/2017, khi bà Hồng P bán sạp này cho bà N có chia một phần tiền cho bà là do công sức giữ gìn sạp của bà nên bà P thương tình chia cho bà, việc bà ký tên trên các giấy tờ sang bán sạp chợ này cho bà Trương Thị Bích N là theo yêu cầu của bà Hồng P và việc bà ký tên trên Đơn chuyển quyền kinh doanh cho bà Trương Thị Bích N là cũng do bà Hồng P yêu cầu; mọi giấy tờ mua bán sạp giữa bà Hồng P với bà N là do bà N soạn sẵn, bà chỉ ký để hợp lệ trong việc bà Hồng P lập thủ tục hợp lệ cho bà N đứng tên sạp.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đề nghị chấp nhận phần tố của ông H về việc chia đôi tài sản này.

Xét thấy:

Ông H trình bày sạp này ông mua lại của bà N năm 2001, ông không yêu cầu đưa bà N vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng, ông xuất trình chứng cứ là bà S đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể để xác định đây là tài sản chung của vợ chồng ngoài ra không xuất trình chứng cứ gì khác. Ông yêu cầu chia đôi giá trị sạp chợ.

Trong khi đó, Tòa án đã xác minh tại Ban quản lý chợ Tân Bình, Ban quản lý phúc đáp tại công văn số 49/BQL ngày 05/7/2016 là sạp này do bà Phạm Thị Tuyết S nhận chuyển nhượng quyền kinh doanh từ bà Trương Thị N, bà S có yêu cầu tòa án đưa bà N vào tham gia vụ án với tư cách là người làm chứng. Hội đồng xét xử xét thấy cần tìm hiểu rõ nguồn gốc của sạp chợ này để đảm bảo quyền lợi cho các bên.

Theo đơn của bà S yêu cầu triệu tập người làm chứng, Tòa án đã triệu tập bà Trương Thị N, bà Trương Thị Bích N, bà Phạm Thị Hồng P với tư cách là người làm chứng.

- Bà Trương Thị N trình bày tại bản tự khai ngày 10/7/2017 và tại biên bản hòa giải ngày 31/7/2017 như sau:

Bà bán sạp chợ số 185B Khu 2B (185B Khu B) chợ Tân Bình cho bà Phạm Thị Hồng P vào tháng 01/2001, bà P là người giao tiền cọc và trả đủ tiền mua sạp của

bà; lúc bán bà không biết ông H, bà S, bà không nhận tiền bán sạp của bà S và ông H, bà làm giấy tờ cho chị Phạm Thị Tuyết S theo yêu cầu của chị Phạm Thị Hồng P.

- Bà Phạm Thị Hồng P trình bày:

Bà mua sạp này của bà Trương Thị N nhưng vì bà S không có vốn buôn bán và sang sạp nên bà nhờ bà S đứng tên đăng ký kinh doanh sạp và để đáp ứng pháp lý với Ban quản lý chợ, đến tháng 11/2013 theo yêu cầu của gia đình, bà bán sạp này cho chị Trương Thị Bích N.

- Bà Trương Thị Bích N trình bày:

Vào tháng 9/2013 bà có mua sạp chợ số 185B Khu 2B (185B Khu B) chợ Tân Bình của bà Phạm Thị Hồng P giá 800.000.000 đồng, bà N trình bày bà giao tiền cọc 50.000.000 đồng cho bà P và giao đủ tiền 750.000.000 đồng còn lại cho bà P khi bà P làm xong thủ tục sang tên sạp cho bà tại nhà chị P; vì bà Phạm Thị Tuyết S đứng tên trên giấy phép kinh doanh sạp nên bà S phải làm thủ tục nhận tiền và sang tên sạp cho bà.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 31/7/2017 có mặt bà Trương Thị N, Trương Thị Bích N, Phạm Thị Hồng P; bà N, bà N, bà P đã trình bày ý kiến về nguồn gốc và việc mua bán sạp chợ số 185B Khu 2B (185B Khu B) chợ Tân Bình như đã nêu trên; đặc biệt là ý kiến của bà N về việc nguồn gốc mua bán sạp chợ và việc bà S đứng tên sạp chợ, nhưng ông H trình bày là ông không quan tâm đến ý kiến của ba người làm chứng; ông không có ý kiến phản hồi hoặc phản đối và không có yêu cầu gì khác, do vậy Tòa án không nhất thiết tổ chức đối chất theo Điều 100 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữa ông H với bà S và 3 người làm chứng nên mặc nhiên hiểu rằng ông H thừa nhận những trình bày của người làm chứng, do vậy không có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định ông hoặc ông và bà S mua sạp chợ số 185B Khu 2B (185B Khu B) chợ Tân Bình và không thể chỉ căn cứ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể do bà S đứng tên để kết luận đây là tài sản chung giữa ông H và bà S, do đó nghĩ nên bác yêu cầu của ông H về yêu cầu được nhận 500.000.000 đồng và tiền lãi do bà S chiếm dụng tiền bán sạp.

3. Về án phí:

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Bà S phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà S phải chịu án phí dân sự quy định tại khoản 9 Điều 27, ông H phải chịu án phí theo khoản 5, Điều 27 do yêu cầu phản tố của ông không được Tòa án chấp nhận và khoản 9 Điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án do phần tài sản là nhà có tranh chấp mà ông được nhận; căn cứ vào phần I, mục 2 Danh mục mức án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009.

Các chi phí tố tụng khác: Do bà sương có đơn yêu cầu định giá nhà Đường B, phường M, quận T và tự nguyện chịu chi phí định giá và bà đã nộp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 229, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; và tại khoản 5, khoản 8, khoản 9 Điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án; và căn cứ phần I, mục 2 Danh mục mức án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009.

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

TUYÊN XỬ:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp thuận cho bà Phạm Thị Tuyết S – sinh năm 1969 ly hôn với ông Nguyễn Mạnh H – sinh năm 1968. (Ông H, bà S đăng ký kết hôn được UBND phường 11, quận T, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 115, quyền số 01/2000 ngày 16 tháng 8 năm 2000).

2. Về con chung:

Ông H bà S khai nhận có 01 con chung là Nguyễn Hoàn M sinh ngày 16 tháng 11 năm 2000. Sau ky hôn bà S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông H do bà S không yêu cầu.

- Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung:

a. Về nhà:

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà S và việc đồng ý nhận phần chia tài sản chung của ông H đối với căn nhà Đường L, số mới Đường B, phường M, quận T, thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có hồ sơ gốc số 12327/2001 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/7/2001, kèm theo giấy chứng nhận số nhà số 525/UBND-CN do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp ngày 01/8/2017, nhà và đất có giá trị 2.888.622.750 đồng;

Không chấp nhận ông H được nhận nhà và hoàn thối lại cho bà S 1/2 giá trị nhà. Buộc ông H phải giao nhà cho bà S ngay sau khi nhận được 1/2 giá trị nhà là 1.444.311.375 (một tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm mười một nghìn, ba trăm bảy mươi lăm) đồng do bà S giao.

Bà S được quyền nhận nhà và hoàn thối lại cho ông H 1/2 giá trị nhà là 1.444.311.375 (một tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm mười một nghìn, ba trăm bảy mươi lăm) đồng. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà S phải hoàn trả cho ông H đủ số tiền vừa nêu; sau đó bằng bản án này bà S được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký sang tên quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với căn nhà ghi trên theo quy định của pháp luật và đứng tên riêng bà Phạm Thị Tuyết S. Các khoản lệ phí, các khoản thuế theo quy định nếu có thì S phải chịu nộp và bà S phải nghiêm chỉnh chấp hành việc xử lý của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc cải tạo, nới rộng diện tích sử dụng nhà.

b. Về sạp chợ số 185B Khu 2B (185B Khu B) chợ Tân Bình Bình, thành phố Hồ Chí Minh:

Không công nhận sạp chợ số 185B Khu 2B (185B Khu B) chợ Tân Bình Bình, thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông Nguyễn Minh H và bà Phạm Thị Tuyết S.

Bác yêu cầu của ông Nguyễn Minh H đòi chia đôi giá trị sạp chợ là 500.000.000 đồng và tiền lãi là 132.300.000 đồng, tổng cộng là 632.300.000 (sáu trăm ba mươi hai triệu, ba trăm nghìn) đồng.

- Về nợ chung: Hai bên khai nhận không có.

4. Án phí dân sự thẩm là:

- Án phí ly hôn sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng bà Phạm Thị Tuyết S phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Chuyển số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng là tiền tạm ứng án phí do bà S đã nộp theo biên lai thu tiền số AD/2012/06083 ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình thành tiền án phí.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Phạm Thị Tuyết S phải nộp án phí đối với giá trị nhà được chia là 55.329.341 (năm mươi lăm triệu, ba trăm hai chín nghìn, ba trăm bốn mươi một) đồng, nhưng bà S đã nộp tiền tạm ứng án phí là 21.000.000 đồng theo biên lai thu số AD/2012/07568 ngày 30/9/2014 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình, bà S phải nộp bổ sung 34.329.341 (ba mươi bốn triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn, ba trăm bốn mươi một) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

+ Ông Nguyễn Mạnh H phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình đối với giá trị nhà được chia là 55.329.341 đồng và 29.292.000 đồng đối với yêu cầu phản tố về việc chia sạp chợ; tổng cộng 84.621.341 (tám mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi một nghìn, ba trăm bốn mươi một) đồng, nhưng ông H đã nộp tiền tạm ứng án phí là 18.000.000 đồng theo biên lai thu số AD/2012/06337 ngày 05/3/2014 và ông đã nộp tiền tạm ứng án phí là 3.307.500 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0006739 ngày 16/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình;

ông H phải nộp bổ sung 63.313.841 (sáu mươi ba triệu, ba trăm mười ba nghìn, tám trăm bốn mươi một) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Án xử công khai, các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị bản án theo điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q. TB ;
- THA DS Q. TB
- UBND phường M, quận T, Tp. HCM ;
- Các đương sự ;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

VÕ VĂN ĐỨC